

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI TDH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI TDH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDH CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TDH CONSTRUCTION AND TRADING.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301273660

3. Ngày thành lập: 29/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Lộ Bao, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0836163366

Fax:

Email: congtytdhvn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm: đại lý chứng khoán, môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, hoạt động bán đấu giá).	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh)	4669
9.	Dịch vụ đóng gói	8292
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Loại trừ hoạt động dịch vụ báo cáo tòa án, dịch vụ đấu giá tài sản và dịch vụ lấy lại tài sản.	8299
11.	Đào tạo sơ cấp	8531
12.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

14.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
15.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
16.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
18.	Bán buôn tổng hợp (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm kinh doanh)	4690(Chính)
19.	In ấn	1811
20.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
25.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
26.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
27.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
28.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
30.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
32.	Bốc xếp hàng hóa	5224
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
35.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
37.	Xuất bản phần mềm	5820
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
39.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
40.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
41.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
44.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
45.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
46.	Thu gom rác thải độc hại	3812

47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
49.	Tái chế phế liệu	3830
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
54.	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
55.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
57.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
58.	Phá dỡ	4311
59.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TUYÊN	Thôn Lộ Bao, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000.0 00	20.000.000.000	40,000	0270850084 76	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.000.0 00	20.000.000.000	40,000		
2	VŨ HANH PHƯƠNG	Thôn Lộ Bao, Xã Nội Duệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.0 00	10.000.000.000	20,000	0271850121 24	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.0 00	10.000.000.000	20,000		

